Số: 1205/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-10-26T11:17:16+07:00

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Phương án điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 05/QĐ-UBND, 06/QĐ-UBND ngày 7/2/2023, Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 và Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 2/5/2024 của UBND huyện Ea Kar đối với hộ ông bà Trương Thị Rín)

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Ea Ô

I BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 461/QĐ-UBND ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	**Hộ ông: NÔNG VĂN MẠY (Vợ là: Hoàng Thị Khiến) Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**65.819.220**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**6.734,60**			**65.819.220**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 86/10	2009		m2	5.540,40	5.540,40	20.000	50%	55.404.000	
2	Đất nuôi trồng thuỷ sản	Thửa 86/10	2009		m2	282,50	282,50	15.000	50%	2.118.750	
3	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 96/10	2009		m2	143,90	143,90	18.200	50%	1.309.490	
4	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 113/10	2009		m2	767,80	767,80	18.200	50%	6.986.980	

II BẢNG TỔNG HỢP THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT SỐ 05/QĐ-UBND NGÀY 7/2/2023 VÀ ĐIỀU CHỈNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 27/QĐ-UBND NGÀY 2/5/2024 CỦA UBND HUYỆN EAKAR

TT	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất	Thời gian tạo lập tài sản theo XNNG	Phần trăm còn lại của VKT	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Tỉ lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	**Không xác định đối tượng sử dụng**														**12.667.611**	Tài sản tạo lập sau thông báo THĐ không BT, HT
a	**Hỗ trợ về đất**														-	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 86/10	2009			m2	5.540,40	5.540,40			20.000				-	
2	Đất nuôi trồng thủy sản	Thửa 86/10	2009			m2	282,50	282,50			15.000				-	
3	Đất trồng lúa một vụ	Thửa 96/10	2009			m2	143,90	143,90			18.200				-	
4	Đất trồng lúa một vụ	Thửa 113/10	2009			m2	767,80	767,80			18.200				-	
b	**Hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc**														**12.288.750**	
	Ao: Diện tích 282.5m2, sâu 2.5m.	Thửa 86/10		2009		m3	706,25	706,25			29.000			60%	12.288.750	
c	**Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất**														**378.861**	
1	Keo trồng năm 2012 có khối lượng gỗ: Kích thước đường kính 1 = 35cm, đường kính 2 = 20cm, cao 4.5m. chuẩn mật độ	Thửa 86/10				m3	0,29	0,29	0,29		2.200.000	100%	100%	60%	378.861	Áp tương đương giá gỗ cây bạch đàn
2	Cây núc nác trồng năm 2018	Thửa 86/10				Cây	1,00				78.200			0%	-	áp tương đương giá cây muồng đen
3	Lúa đang trưởng thành	Thửa 96/10				m2	143,90				4.300			0%	-	

III BẢNG TỔNG HỢP LẬP LẠI THEO XÁC NHẬN NGUỒN GỐC NĂM 2024 CỦA UBND XÃ CƯ ELANG KẾT QUẢ NHƯ SAU:

TT	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất	Thời gian tạo lập tài sản theo XNNG	Phần trăm còn lại của VKT	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Tỉ lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	**Hộ bà: Trương Thị Rín Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk**									**0**					**116.510.590**	**Số 36/GXN-UBND, ngày 26/8/2024**
a	**Hỗ trợ về đất**							**6.734,60**							**103.525.332**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 86/10	T3/2004			m2	5.540,40	5.540,4			20.000			80%	88.646.400	
2	Đất nuôi trồng thuỷ sản	Thửa 86/10	T3/2004			m2	282,50	282,5			15.000			80%	3.390.000	
3	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 96/10	T3/2004			m2	143,90	143,9			18.200			80%	2.095.184	

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Phương án điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 05/QĐ-UBND, 06/QĐ-UBND ngày 7/2/2023, Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 và Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 2/5/2024 của UBND huyện Ea Kar đối với hộ ông bà Trương Thị Rín)

4	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 113/10	T3/2004			m2	767,80	440,8			18.200			80%	6.418.048	
5	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 113/10	2009			m2		327,0			18.200			50%	2.975.700	
b	**Hỗ trợ khác về tài sản, vật kiến trúc**														**12.288.750**	
	Ao: Diện tích 282.5m2, sâu 2.5m.	Thửa 86/10	2012			m3	706,25				29.000			60%	12.288.750	
c	**Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất**														**696.508**	
1	Keo trồng năm 2012 có khối lượng gỗ: Kích thước đường kính 1 = 35cm, đường kính 2 = 20cm, cao 4.5m. chuẩn mật độ	Thửa 86/10				Cây	0,29	0,29	0,29		2.200.000	100%	100%	80%	505.148	
2	Cây núc nác trồng năm 2018	Thửa 86/10				Cây	1,00	1,00	1,00		51.800	100%	80%	0%	-	Tài sản tạo lập sau TBTHĐ không được BTHT
3	Điều thường trồng nưm 1999 loại B	Thửa 86/10				Cây	1,00	1,00	1,00		299.000	100%	80%	80%	191.360	
4	Lúa đang trưởng thành	Thửa 96/10				Cây	143,90	143,90	143,90					0%	-	Tài sản tạo lập sau TBTHĐ không được BTHT
															116.510.590	

TT	**Loại đất**	Đơn vị	**Diện tích**
1	Đất trồng cây lâu năm	m2	5.540,4
2	Đất nuôi trồng thủy sản	m2	282,5
3	Đất trồng lúa nước 1 vụ	m2	911,7
Tổng diện tích thu hồi		**m2**	**6.734,6**

TT	**Hạng mục**	**Đơn vị**	**Tổng số tiền của Phương án**
1	Hỗ trợ về đất	đồng	103.525.332
2	Hỗ trợ về vật kiến trúc	đồng	12.288.750
3	Hỗ trợ về cây trồng	đồng	696.508
4	**Tổng số tiền sau khi lập lại theo XNNG năm 2024**	**đồng**	**116.510.590**
5	**Số tiền đã phê duyệt tại QĐ 461**	**đồng**	**65.819.220**
6	**Số tiền đã phê duyệt tại QĐ 05**	**đồng**	**12.667.611**
7	**Số tiền chênh lệch**	**đồng**	**38.023.759**

Tài sản tạo lập sau thông báo thồi đất không được bồi thường, hỗ trợ (sau 28/10/2013)